



运 动 员

yùndòngyuán · vận động viên · vận động viên

yùn

一 二 云 云 云 运 运

运 运 运 运

dòng

一 二 云 云 动 动

动 动 动 动

yuán

一 二 口 尸 月 员 员

员 员 员 员